UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP NĂM 2021

TT	Tên đơn vị	Số lượng đơn vị		Số lượng người lao động và quỹ lương				Nguồn tài chính (triệu đồng)												Huy động	
		Tổng số tổ chức KHCN công lập	*Trong đó: Số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP*	Tổng số người lao động	Trong đó: *Số lượng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao*	Trong đó: *Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên*	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng)	Tổng cộng	Nguồn thu sự nghiệp: Tổng số	Nguồn thu sự nghiệp: Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu sự nghiệp: Nguồn thu từ các nhiệm vụ KHCN và dịch vụ sự nghiệp	Nguồn thu sự nghiệp: Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh; liên doanh, liên kết	Nguồn thu sự nghiệp: Thu khác	Nguồn NSNN cấp chi hoạt động sự nghiệp: Tổng số	Chi thường xuyên theo chức năng: Tổng kinh phí	Chi thường xuyên theo chức năng: *Trong đó: Chi lương*	Chi không thường xuyên: Tổng kinh phí	Chi không thường xuyên: Chi đầu tư phát triển	Chi không thường xuyên: Chi sự nghiệp	Tổng số	Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước
		1	1a	2	2a	2b	3	4=5+10	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10=11+12	11	*11a*	12	*12a*	*12b*	*13*	*14*
III	**Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**	**1**	**1**	**33**	**27**	**6**	**2.155,48**	**6.596,56**	**3.391,85**	**0**		**3.391,85**	**0**	**3.204,71**	**3.149,71**	**2014,33**	**55**		**55**		
1	*Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh*	1	1	33	27	6	2.155,48	6.596,56	3.391,85	0		3.391,85	0	3.204,71	3.149,71	2014,33	55		55		

UBND TỈNI **Phụ lục số 04**

SỞ TÀ

Đvt: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	g vốn (triệu đồng)				Sử dụng các nguồn tài chính (triệu đồng)								Nộp thuế và các khoản phải nộp NSNN khác (nếu có) (triệu đồng)	Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					Mức TNTT				
									Chi các nhiệm vụ không thường xuyên			Chi khác				Trích lập các quỹ								
										Trong đó														
		Vốn vay của các Quỹ KHCN	Vốnvay của các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của viên chức trong đơn vị	Tổng số	Chi tiền lương	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN; hoạt động chuyên môn, quản lý	Chi thực hiện các hoạt động dịch vụ	Tổng kinh phí	Chi đầu tư phát triển từ nguồn NSNN	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Tổng kinh phí	Trong đó: Chi trả lãi vốn vay		Chênh lệch thu chi thường xuyên trong năm	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ bổ sung thu nhập	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Hệ số tăng thu nhập bình quân (lần/năm)	Mức TNTT bình quân/ tháng (triệu đồng)	Hệ số tăng thu nhập bình quân (lần/tháng)	Mức TNTT cao nhất/ tháng (triệu đồng)	Mức TNTT thấp nhất/ tháng (triệu đồng)
		15	16	17	18	19	20	21	22	*22a*	*22b*	23	*23a*	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
III	**Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**				**5.386,19**	**2.155,48**	**1.135,38**	**2.040,33**	**55**					**132,91**	**494,58**	**98,92**	**222,56**	**49,46**	**123,64**	**0,06**	**0,38**	**0,005**	**0,47**	**0,34**
1	*Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh*				5.386,19	2.155,48	1.135,38	2.040,33	55					132,91	494,58	98,92	222,56	49,46	123,64	0,06	0,38	0,005	0,47	0,34

UBND TỈNI
SỞ TÀ

TT	Tên đơn vị		Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập			
		Không chi TNTT	Dưới 1 lần	Từ trên 1-2 lần	Từ trên 2-3 lần	Từ 3 lần trở lên
		35	36	37	38	39
III	**Tổ chức KHCN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**		**1**			
1	*Trung tâm Khoa học và Công nghệ Tây Ninh*		1			